| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1479/2026/QĐST-HNGĐ | *TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1516/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Ông **Trần Nhật T**, sinh ngày 14/02/1987.

Số căn cước công dân số: 079087004688.

Địa chỉ: A đường H, ấp P, xã C, TP .

2. Bà **Lữ Thị Ngọc H**, sinh ngày 01/01/1989.

Số căn cước công dân số: 079189003630

Địa chỉ: A đường H, ấp P, xã C, TP .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc cùng lời trình bày của những người yêu cầu, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Nhật T và bà Lữ Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T, bà H cư trú tại xã C, TP . nên căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Nhật T và bà Lữ Thị Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2011 Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/9/2011 nên hôn nhân của ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu thuận tình ly hôn: Ông T và bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến

hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đã giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông T và bà H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà H vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông T và bà H yêu cầu ly hôn là thật sự tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án ghi nhận ông T và bà H thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, ông T và bà H có 02 con chung Trần Gia H1, sinh ngày 16/8/2012 và Trần Gia H2, sinh ngày 13/02/2014. Ông T và bà H thỏa thuận giao 02 con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, ông T và bà H đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung. Sự thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của ông T, bà H và 02 con chung. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án ghi nhận việc giao 02 con chung Trần Gia H1, Trần Gia H2 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi; tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H cho đến khi ông T có yêu cầu

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Huệ T1 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông T và bà H khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông T và bà H phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nhật T và bà Lữ Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Trần Gia H1, sinh ngày 16/8/2012 và Trần Gia H2, sinh ngày 13/02/2014. Sau khi ly hôn, giao 02 con chung Trần Gia H1, Trần Gia H2 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H cho đến khi ông T có yêu cầu

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Trần Nhật T và bà Lữ Thị Ngọc H phải chịu, được tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T và bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0036377 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà H đã nộp đủ tiền lệ phí.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 8 - TP.HCM;
- UBND xã Thạnh Đức, tỉnh Tây Ninh; (GCNKH số 117/2011 Quyển số 01/2010 của UBND xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh)
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Yến Ngọc**

TAND KHU VỰC 8

YMU280826.TL.QDBA
9406